

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ GIÁO
DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 102/2003/TTLT-BTC-
BVHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn nội dung, mức chi và quản lý kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá đến năm 2005

Căn cứ Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ "Về các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001-2005";

Căn cứ Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ "Về quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia";

Căn cứ Quyết định số 19/2003/QĐ-TTg ngày 28/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá đến năm 2005";

Căn cứ Quyết định số 31/2003/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự án Xây dựng một số làng, bản, buôn văn hoá ở vùng có hoàn cảnh đặc biệt vào Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá giai đoạn 2001 - 2005;

Căn cứ Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá;

Căn cứ Thông tư liên tịch Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính số 01/2003/TTLT/BKH-BTC ngày 06/01/2003 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn một số nội dung, mức chi và quản lý kinh phí đối với các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá đến năm 2005 như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng thực hiện Thông tư này là các đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá được cân đối trong dự toán chi ngân sách Trung ương, được sử dụng theo đúng các nội dung hoạt động của chương trình.

Việc cấp phát, quản lý, thanh quyết toán kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Các Bộ, ngành và các địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính các cấp quản lý chặt chẽ kinh phí của Chương trình, kiểm tra các khoản chi tiêu theo đúng mục tiêu, nội dung, chế độ quy định.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách Trung ương cấp cho các Bộ, ngành và các địa phương; Các cấp chính quyền địa phương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cần huy động thêm các nguồn kinh phí khác như: đóng góp tự nguyện của cá nhân, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước (bằng tiền, hiện vật, công lao động...), bổ sung từ ngân sách địa phương và kinh phí của các Bộ, ngành để thực hiện các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí huy động thêm thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này và các chế độ quản lý tài chính hiện hành.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG CỦA CÁC DỰ ÁN

1. Tổ chức biên soạn và dịch tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của từng Dự án, mức chi cụ thể như sau:

- Biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ được nghiệm thu. Mức chi tối đa không quá 50.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ;
- Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài. Mức chi tối đa không quá 40.000 đồng/ trang tiêu chuẩn 300 từ.
- Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài và tiếng các dân tộc thiểu số của Việt Nam sang tiếng Việt. Mức chi tối đa không quá 35.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

2. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ trong nước. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 105/2001/TT-BTC ngày 27/12/2001 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước;
3. Đào tạo, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài do Ban Chủ nhiệm Chương trình quyết định. Mức chi theo các qui định hiện hành đối với cán bộ được cử đi công tác nước ngoài;
4. Điều tra, sưu tầm theo các nội dung chuyên môn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 114/2000/TT-BTC ngày 27/11/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí các cuộc điều tra thuộc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước;
5. Chi vốn đối ứng trong nước đối với các dự án vay vốn ODA, viện trợ nước ngoài (nếu có) đã được quy định trong Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước hoặc tổ chức quốc tế theo quy định hiện hành;
6. Các khoản chi khác liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá.

II. NỘI DUNG VÀ MỘT SỐ MỨC CHI CHỦ YẾU:

1. Dự án Chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến:
 - 1.1. Chi lập dự án, thiết kế, khảo cổ, trùng tu, bảo quản, tôn tạo... các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến theo Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
 - 1.2. Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, bảo quản di tích theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành về mua sắm tài sản;
Mức chi cho các nội dung 1.1; 1.2 do Bộ trưởng Bộ Văn hoá-Thông tin quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá- Thông tin thực hiện) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc địa phương thực hiện) căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn, định mức tài chính hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.
 - 1.3. Chi bảo quản di tích bằng hoá chất theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Văn hoá-Thông tin. Mức chi do Bộ trưởng Bộ Văn hoá- Thông tin quyết định cho từng tiểu dự án.

2. Dự án sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể tiêu biểu và xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hoá phi vật thể:

2.1. Chi hỗ trợ điều tra, thống kê, hệ thống hoá, lập bản đồ di sản văn hoá phi vật thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Chi hỗ trợ điều tra, sưu tầm toàn diện, ghi chép, lưu giữ dưới các ấn phẩm băng, đĩa (cả hình và tiếng), tài liệu viết, in sách, trang phục, đạo cụ các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu của một số địa phương và dân tộc ít người.

Mức hỗ trợ chung cho mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối đa là 50 triệu đồng, số còn lại do ngân sách của địa phương bố trí. Đối với các tỉnh miền núi có khó khăn hoặc các tỉnh có nhiều di sản văn hoá phi vật thể, mức hỗ trợ cụ thể do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định nhưng không quá 100 triệu đồng/tỉnh.

2.2. Chi xây dựng đề cương, bối cảnh, trang phục, đạo cụ, kịch bản, đạo diễn, hoá trang, thù lao, nhuận bút, trả công người cung cấp thông tin, chuyên gia hoặc nghệ nhân tư vấn nhằm nghiên cứu phục dựng và phổ biến một số loại hình sinh hoạt văn hoá- nghệ thuật truyền thống.

2.3. Chi trả công lao động người nhập số liệu, xây dựng thư mục để lưu trữ các giá trị văn hoá phi vật thể đã sưu tầm được, chi mua sắm trang thiết bị bảo quản kho ngân hàng dữ liệu.

2.4. Chi tuyên truyền các giá trị văn hoá phi vật thể trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh, Đài truyền hình, báo chí) và in sách, các ấn phẩm là băng, đĩa hình, chi trả thuê bao và cước phí hàng tháng phổ biến trên mạng Internet văn hoá phi vật thể Việt Nam.

Mức chi cho các nội dung 2.2, 2.3, 2.4 do Bộ trưởng Bộ Văn hoá- Thông tin quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc địa phương thực hiện) căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn, định mức tài chính hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

3. Dự án điều tra, bảo tồn một số làng, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là làng) tiêu biểu và lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc ít người:

3.1. Chi điều tra và lập hồ sơ một số làng tiêu biểu của dân tộc ít người hiện còn giữ được nhiều đặc trưng văn hoá cổ truyền. Chi tuyển chọn lập dự án và thực hiện thí điểm bảo tồn 2 - 3 làng đặc biệt tiêu biểu theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

3.2. Chi hỗ trợ tổ chức lễ hội truyền thống đặc sắc của một số dân tộc ít người theo mức 50-100 triệu đồng/một lễ hội/năm; mức hỗ trợ cụ thể cho từng lễ hội do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định; số còn lại do ngân sách địa phương bố trí và huy động từ các nguồn khác;

Mức chi cho các nội dung 3.1, 3.2 do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với phần nhiệm vụ do các đơn vị trực thuộc địa phương thực hiện) căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn, định mức tài chính hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

4. Xây dựng các thiết chế văn hoá thông tin cơ sở, xây dựng mô hình hoạt động văn hoá thông tin ở làng, xã:

4.1. Chi hỗ trợ một lần (cho cả giai đoạn 2001-2005) mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà văn hoá, làng văn hoá, đội thông tin lưu động (thiết bị âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, ti vi, giá để sách, thiết bị chống cháy, chống ẩm mốc...). Mức hỗ trợ không quá: 60 triệu đồng cho một nhà văn hoá tỉnh; 30 triệu đồng cho một nhà văn hoá và một đội thông tin lưu động huyện; 15 triệu đồng cho một nhà văn hoá xã; 10 triệu đồng cho một làng đạt tiêu chuẩn văn hoá cấp tỉnh 3 năm liền; 15 triệu đồng cho một xã đặc biệt khó khăn; 100 triệu đồng cho một kho thư viện tỉnh;

4.2. Chi hỗ trợ một lần không quá 100 triệu đồng (cho cả giai đoạn 2001-2005) xây dựng nhà văn hoá xã.

4.3. Chi mua xe ô tô chuyên dụng hoặc một thuyền văn hoá cho các đội thông tin lưu động huyện miền núi đặc biệt khó khăn theo giá đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo quy định hiện hành về quản lý và mua sắm tài sản bằng kinh phí ngân sách nhà nước;